

Mẫu CBTT-03

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)
hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ AN PHA S.G

Phòng 8.8 Tầng 8 Tòa Nhà E-Town 1,
số 364 Cộng Hòa Quận Tân Bình , TP Hồ Chí Minh

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT TÓM TẮT

(Ap dụng cho các doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất, chế biến, dịch vụ)

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo Quý II-2009	Lũy kế tới Quý II-2009
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	387,146,469,485	714,594,960,115
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	5,093,231,939	8,425,875,416
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	382,053,237,546	706,169,084,699
4	Giá vốn hàng bán	332,720,498,988	610,745,178,230
5	Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	49,332,738,558	95,423,906,469
6	Doanh thu hoạt động tài chính	3,937,723,328	4,978,765,466
7	Chi phí tài chính	5,731,715,083	11,951,181,276
8	Chi phí bán hàng	16,299,199,300	31,282,260,817
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	8,786,507,665	15,917,908,860
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	22,453,039,838	41,251,320,982
11	Thu nhập khác	12,288,131,364	12,592,893,268
12	Chi phí khác	14,359,690,704	14,362,937,135
13	Lợi nhuận khác	(2,071,559,340)	(1,770,043,867)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	20,381,480,498	39,481,277,115
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	4,246,000,690	7,834,024,689
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16,135,479,808	31,647,252,426
	Lợi ích của cổ đông thiểu số	4,663,978,696	11,027,118,685
	Lợi ích của Công ty mẹ	11,471,501,112	20,620,133,741
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

KẾ TOÁN TRƯỞNG

VŨ VĂN THẮNG

Ngày 22 Tháng 07 Năm 2009
TỔNG GIÁM ĐỐC

TRẦN MINH LOAN